BIỂU MẪU 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	**13**	**Số m^2/trẻ em**
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	**Số điểm trường**	**1**	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường (m^2)**	1224.2	3.69 m^2/ trẻ
V	**Tổng diện tích sân chơi (m^2)**	608.05	1.83 m^2/ trẻ
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	783.57	2.36 m^2/ trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	783.57	2.36 m^2/ trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	192.42	0.58 m^2/ trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	270	0.81 m^2/ trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất	60	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng	64,5	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	170	
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)**	350	Số bộ/nhóm (lớp) Từ 30 - 40 bộ /lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13 bộ	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	1 bộ	
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v…)** - Máy vi tính - Máy chiếu - Máy ảnh kỹ thuật số - Máy in vi tính	 20 01 0 20	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	17	13 lớp +các phòng

			chức năng
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4	
3	Máy photocopy	1	
5	Cassette	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	2	1/1 lớp
7	Thiết bị khác	0	
8	Đồ chơi ngoài trời	1	
9	Bàn ghế đúng quy cách	350 bộ	Từ 30 – 35 bộ / lớp

		Số lượng (m^2)				
X	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	31.81		192.42		0,58 m^2/trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XVI	**Tường rào xây**	x	

Nơi nhận:
- PHHS;
- CB-GV-NV;
- Trang tin điện tử;
- Lưu VT.

Quận 1, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 TP HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG MẦM NON 20/10

Nguyễn Thị Diễm Kim